| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN**<br>**MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 02/NQ-ĐHĐCĐ | *Quy Nhơn, ngày 28 tháng 4 năm 2023* |

# NGHỊ QUYẾT
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2021;*

*Căn cứ Công văn số 2415/UBND-TH ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc nội dung tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo số 38/BC-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị về công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023.

Đại hội thông qua với số biểu quyết đồng ý là 2.882.677 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,52 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo số 59/BC-CTMT ngày 06/4/2023 của Ban Điều hành về kết quả thực hiện công tác năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Đại hội thông qua với số biểu quyết đồng ý là 2.887.077 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,67 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo số 01/BC-CTMT-BKS ngày 31/3/2023 của Ban Kiểm soát về kiểm tra và giám sát hoạt động của Công ty năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Đại hội thông qua với số biểu quyết đồng ý là 2.887.077 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,67 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình số 39/TTr-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị về các nội dung xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông như sau:

**I- Nội dung 1: Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán**

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp công nghệ thông tin Đại Nam tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và đã được công bố công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán với các nội dung chính sau:

**1. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2022**

| Chỉ tiêu | Số tiền (tr.đ) | Chỉ tiêu | Số tiền (tr.đ) |
|---|---|---|---|
| **A. Tài sản ngắn hạn** | **78.889** | **A. Nợ phải trả** | **50.482** |
| I. Tiền, tương đương tiền | 44.994 | I. Nợ ngắn hạn | 43.399 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | II. Nợ dài hạn | 7.083 |
| III. Phải thu ngắn hạn | 30.066 | **B. Vốn chủ sở hữu** | **120.210** |
| IV. Hàng tồn kho | 2.639 | I. Vốn CSH | 45.975 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 1.190 | 1. Vốn góp của CSH | 34.271 |
| **B. Tài sản dài hạn** | **91.803** | 2. Quỹ ĐTPT | 4.014 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | | 3. Nguồn đầu tư XDCB | 7.690 |
| II. TSCĐ | 81.752 | II. Nguồn KP và quỹ khác | 74.235 |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 7.762 | 1. Nguồn KP | 0 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 2.289 | 2. Nguồn KP đã hình thành TS | 74.235 |
| **TỔNG TÀI SẢN** | **170.692** | **TỔNG NGUỒN VỐN** | **170.692** |

**2. Các chỉ tiêu kết quả hoạt động năm 2022**

*ĐVT: đồng*

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 133.222.526.493 |
| 2 | Tổng chi phí | 125.787.007.561 |
| 3 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.435.518.932 |
| 4 | Thuế TNDN | 1.516.609.601 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 5.918.909.331 |

Đại hội thông qua với số biểu quyết đồng ý là 2.887.077 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,67 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**II- Nội dung 2: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và Danh mục đầu tư năm 2023**

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay, Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2023 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2023 |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu | Đồng | 128.725.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 7.510.360.000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 5.998.688.000 |
| 4 | Phân phối lợi nhuận sau thuế | Đồng | 5.998.688.000 |
| *4.1* | *Quỹ đầu tư phát triển* | *%* | *10* |
| *4.2* | *Chia cổ tức* | *%* | *6%/vốn điều lệ* |
| *4.3* | *Lợi nhuận còn lại* | | |
| *4.3.1* | *Trích thưởng Ban quản lý điều hành 5% tổng lợi nhuận sau thuế* | *%* | *5% phần lợi nhuận sau thuế* |
| *4.3.2* | *Quỹ khen thưởng, phúc lợi* | | *Phần còn lại* |
| | *- Quỹ phúc lợi* | *%* | *10* |
| | *- Quỹ khen thưởng* | *%* | *90* |
| | *Trong đó:* | | |
| | *Quỹ thưởng BĐH 1,5 tháng tiền lương BQ* | | |
| | *Quỹ khen thưởng CBCNV* | | |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ | % | 17,5 |
| 6 | Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ | % | 6 |

**2. Danh mục đầu tư năm 2023**

| TT | Danh mục dự án, công trình | Tổng vốn dự kiến (triệu đồng) | Nguồn vốn |
|---|---|---|---|
| 1 | Mua sắm 02 xe ô tô chở rác tải trọng 500kg (Xe Hooklift) | 1.100 | Nguồn vốn của Doanh nghiệp |
| 2 | Mua sắm 01 xe ô tô hút chất thải 4,3m³ | 2.100 | Nguồn vốn của Doanh nghiệp |
| 3 | Mua sắm 01 tàu chở rác tải trọng 3 tấn | 4.000 | Nguồn vốn của Doanh nghiệp |
| | **Tổng cộng** | **7.200** | |

Đại hội thông qua với số biểu quyết đồng ý là 2.887.077 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,67 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**III- Nội dung 3: Báo cáo Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đã chi năm 2022 và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2023**

**1. Quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2022 của Công ty là: 59.280.435.942 đồng; trong đó:**

+ Quỹ tiền lương của người lao động: 57.854.396.748 đồng.

+ Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách Công ty: 1.109.735.200 đồng.

+ Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách Công ty: 177.600.000 đồng.

+ Quỹ tiền thưởng của người quản lý: 434.649.461 đồng

**2. Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2023 của Công ty: 59.149.983.600 đồng; trong đó:**

+ Quỹ tiền lương của người lao động: 57.854.463.600 đồng.

+ Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách Công ty: 1.165.920.000 đồng.

+ Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách Công ty: 129.600.000 đồng.

+ Quỹ tiền thưởng của người quản lý gồm: 1,5 tháng tiền lương thực hiện bình quân của Ban điều hành và 5% phần lợi nhuận sau thuế.

Đại hội thông qua với số biểu quyết đồng ý là 2.882.677 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,52 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**IV- Nội dung 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022**

**A. Phân phối lợi nhuận**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022.

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được kiểm toán, tổng lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN là 5.918.909.331 đồng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | **Lợi nhuận kế toán trước thuế** | **7.435.518.932** | |
| 2 | **Lợi nhuận tính thuế** | **7.583.048.003** | |
| 3 | **Thuế TNDN phải nộp (20%)** | **1.516.609.601** | **20%** |
| 4 | **Lợi nhuận sau thuế = (1) – (3)** | **5.918.909.331** | |
| 5 | **Phân phối lợi nhuận sau thuế** | **5.918.909.331** | **100%** |
| 6 | **Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)** | **591.890.933** | **10%** |

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| 7 | **Quỹ chia cổ tức 6%/vốn điều lệ** | **2.056.260.000** | 35% |
| | (34.271.000.000 x 6%) | | |
| | *Trong đó:* | | |
| | + Cổ đông nhà nước (17.478.210.000 x 6%) | 1.048.692.600 | |
| | + Cổ đông khác (16.792.790.000 x 6%) | 1.007.567.400 | |
| 8 | **Lợi nhuận còn lại = (6)-(7)-(8)** | **3.270.758.398** | 55% |
| | Trích thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch (5% phần lợi nhuận sau thuế) | 295.945.467 | |
| | Trích quỹ khen thưởng (90% phần lợi nhuận còn lại sau khi trích thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch) | 2.677.331.638 | |
| | Trích quỹ phúc lợi (10% phần lợi nhuận còn lại sau khi trích thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch) | 297.481.293 | |
| 9 | **Quỹ khen thưởng phân phối như sau:** | **2.677.331.638** | |
| | Trích quỹ thưởng BĐH 1,5 tháng lương BQ | 138.703.994 | |
| | Trích quỹ thưởng người lao động | 2.538.627.644 | |

**B. Chia cổ tức năm 2022:**

1. Chia cổ tức năm 2022: Tỷ lệ chi trả cổ tức là 6%.

2. Thời gian chốt danh sách và chia cổ tức: Giao Hội đồng Quản trị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đại hội thông qua với số biểu quyết đồng ý là 2.882.677 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,52 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**V- Nội dung 5: Chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023**

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua đơn vị Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp công nghệ thông tin Đại Nam là đơn vị được chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Đại hội thông qua với số biểu quyết đồng ý là 2.887.077 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,67 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

Đại hội đã biểu quyết 100 % tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2023./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
**CHỦ TỊCH HĐQT**
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

M.S.D.N: 4100298... CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH TỈNH BÌNH ĐỊNH

**Nguyễn Tấn Nghĩa**

*Nơi nhận*:
- Quý cổ đông Công ty;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- BĐH Công ty;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT, TK.